

TÌNH HÌNH CANH TÁC, QUẢN LÝ DỊCH HẠI VÀ GIẢI PHÁP SẢN XUẤT MÍT TẠI CÁC VÙNG SINH THÁI NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Đỗ Minh Đức^{1,*}, Đỗ Xuân Đạt¹, Lại Tiến Dũng¹,

Khúc Duy Hà¹, Đặng Thanh Thúy¹, Phạm Thị Thu Trang¹, Phạm Văn Duyên¹

¹ Viện Bảo vệ Thực vật

*Email: minhduc.bva@gmail.com

TÓM TẮT

Cây mít (*Artocarpus heterophyllus* Lam.) là cây ăn quả truyền thống và có từ rất lâu đời ở Việt Nam. Hiện nay, cả nước ghi nhận được 6 giống mít (bao gồm 3 giống nhập nội và 3 giống địa phương). Ghi nhận 15 loài sâu và 10 loại bệnh hại trên các giống mít. Trong đó, loài sâu đục quả (*Glyphodes* sp.) và loài rệp sáp giả đuôi dài (*Pseudococcus* sp.) với mức độ gây hại rất phổ biến (++++). Đối với loại bệnh hại, bệnh thối đen quả (*Lasiodiplodia theobromae* Griffon & Maubl.), bệnh đen xơ mít (*Pantoea stewartii*), bệnh thối thân xì mủ (*Phytophthora* sp.) và bệnh lõm thân khô cành (*Rugonectria* sp.) cũng hiện diện gây hại từ mức phổ biến trở lên. Để quản lý các loài sâu, bệnh hại, người dân sử dụng đa dạng các loại thuốc bảo vệ thực vật khác nhau để xử lý (8 loại). Tuy nhiên, số lần xử lý không được như mong muốn, số lần xử lý chỉ từ 0 - 5 lần trong năm, các loài sâu, bệnh hại vẫn gây hại nặng, ảnh hưởng tới sản xuất. Diện tích mít hầu hết đều được trồng xen canh với các cây trồng khác (chiếm từ 70,4 - 99,6%) tại các địa phương. Về tình hình sử dụng phân bón, vẫn đảm bảo được so với quy trình kỹ thuật. Thời gian bón phân tập trung vào mùa mưa từ tháng 5 - 10 hàng năm. Tình hình sâu, bệnh hại diễn biến phức tạp là vấn đề gây khó khăn nhất cho người dân. Bên cạnh đó, giá bán mít thấp hơn các loại quả khác như: Sầu riêng, măng cụt, xoài... cũng là những băn khoăn của người dân. Việc đưa ra các giải pháp nhằm phát triển giá trị cây mít được tăng cao tại Việt Nam như: Xây dựng các kênh tiêu thụ, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; liên kết các hộ nông dân với nhau giúp tạo môi trường tiêu thụ ổn định, qua đó giúp nâng cao giá trị cây mít, tăng thu nhập cho nông dân và góp phần phát triển ngành nông sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Cây mít *Artocarpus heterophyllus*, cây giống mít, hiện trạng sản xuất, vùng sinh thái trọng điểm.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây mít (*Artocarpus heterophyllus* Lam.), được cho là có xuất xứ từ khu vực rừng mưa Ghats (Western Ghats) của Tây Ấn Độ. Hiện nay, diện tích trồng mít ở nước ta liên tục gia tăng cả về diện tích và cơ cấu giống. Theo Cục Trồng trọt (2021) [1], mít là một trong 14 loại cây ăn quả chủ lực của Việt Nam. Theo đề án phát triển, sẽ ổn định diện tích khoảng 50 ngàn ha, sản lượng 600 - 700 ngàn tấn. Vùng sản xuất mít trọng điểm: Tây Nguyên (các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai), Đông Nam bộ (các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh),

đồng bằng sông Cửu Long (các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Long An, Đồng Tháp, Hậu Giang). Diện tích chính vụ chiếm 60% và rải vụ 40% [2].

Trong những năm gần đây, việc mở rộng diện tích, nhập nội nhiều giống siêu sớm, kỹ thuật thâm canh và nhân giống (ghép) kéo theo nhiều loại sinh vật phát sinh, gây hại. Nhập nội các giống mít mới, điều kiện thức ăn và môi trường sinh thái mới có ảnh hưởng hoặc làm thay đổi thành phần loài sâu, bệnh hại và các loài sâu, bệnh hại chính so với các giống mít truyền thống. Có những loài sâu, bệnh hại được cho là quan trọng (chủ yếu) trước đây, giờ trở thành

thứ yếu và ngược lại, loài sâu, bệnh phát sinh gây hại ở vùng này có thể không phát sinh gây hại ở vùng khác. Theo Viện Bảo vệ thực vật (1999) [3], trên cây mít ghi nhận 6 loài sâu hại, chưa có số liệu về bệnh hại. Đến nay, các loài mới xuất hiện và ảnh hưởng lớn đến chất lượng cây mít như: Sâu đục quả, ruồi đục quả, bệnh xì mủ và đặc biệt là bệnh đen xơ (chưa được ghi nhận gây hại trên cây mít trước đây). Từ thực tế đó, việc nghiên cứu đánh giá thực trạng tình hình sản xuất cây mít nhằm khắc phục những khó khăn và phát huy tiềm năng, lợi thế cho các vùng sản xuất mít tại Việt Nam là rất cần thiết.

2. VẬT LIỆU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu, đối tượng nghiên cứu

- Nghiên cứu được tiến hành tại 14 tỉnh thuộc 7 vùng sinh thái nông nghiệp ở Việt Nam.

- Đối tượng điều tra: Các hộ trồng mít, đối với vùng sản xuất tập trung (có diện tích trồng mít tối thiểu từ 1.000 m² trở lên), các hộ trồng xen (vườn tạp), các tiểu thương thu mua và các cơ sở đóng gói, chế biến ở các điểm điều tra.

- Mẫu phiếu điều tra thu thập thông tin nông hộ, mẫu các loài sinh vật gây hại trên cây mít.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Quy mô: Mỗi vùng sinh thái chọn đại diện 2 tỉnh, mỗi tỉnh chọn 2 huyện, mỗi huyện chọn 2 xã, mỗi xã điều tra 30 hộ theo nguyên tắc đại diện. Kết hợp phỏng vấn trực tiếp, quan sát thực tế hiện trạng để ghi thông tin vào phiếu điều tra đã được xây dựng sẵn.

- Điều tra phát hiện sâu, bệnh hại được tiến hành theo phương pháp của Viện Bảo vệ thực vật (1997) [4] và TCVN 13268-4:2021 [5].

- Số phiếu điều tra: 7 vùng × 02 tỉnh/vùng × 02 huyện × 02 xã × 30 hộ = 1.680 phiếu điều tra.

Các bước thu thập và xử lý số liệu từ việc điều tra:

Bước 1: Thu thập thông tin trong phiếu điều tra từ các điểm điều tra, tiến hành kiểm tra hoàn chỉnh bổ sung số liệu (nếu cần).

Bước 2: Tính lọc số liệu, nhập số liệu.

Bước 3: Xử lý kết quả điều tra.

Bước 4: Tổng hợp và phân tích kết quả.

- Đánh giá mức độ khó khăn trong sản xuất:

Được đánh giá theo mức độ quan trọng của những hộ tham gia phỏng vấn theo cấp độ từ 1 - 6 trong sản xuất (cấp độ 1 - rất quan trọng; 2 - quan trọng; 3 - quan trọng vừa; 4 - ít quan trọng; 5 - rất ít quan trọng; 6 - không quan trọng) với 6 chỉ tiêu: Giá bán không ổn định; giá vật tư nông nghiệp tăng cao (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...); sâu, bệnh hại nhiều; thiếu kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh; chưa có thuốc đặc trị sâu, bệnh hại và không gặp khó khăn gì.

- Phương pháp phân tích số liệu: Số liệu được tổng hợp và thống kê bằng phần mềm Excel và SPSS 22.0.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024.

- Vùng sinh thái nông nghiệp điều tra: Vùng trung du miền núi phía Bắc (các tỉnh Sơn La, Quảng Ninh), vùng đồng bằng sông Hồng (thành phố Hà Nội, tỉnh Nam Định), vùng duyên hải Bắc Trung bộ (các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh), vùng duyên hải Nam Trung bộ (các tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên), vùng Tây Nguyên (các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk), vùng Đông Nam bộ (các tỉnh Bình Dương, Bình Phước) và vùng đồng bằng sông Cửu Long (các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Diện tích, năng suất và sản lượng mít

Theo Cục Trồng trọt (2021) [1], tổng diện tích trồng mít của cả nước là 80.578,1 ha, trong đó diện tích cho thu hoạch 52.020,7 ha, năng suất trung bình đạt 147,8 tạ/ha và sản lượng 907.078,2 tấn/năm. Trong giai đoạn từ 2019 - 2022, diện tích trồng mít tại Việt Nam có xu hướng gia tăng do đạt hiệu quả cao về kinh tế. Tính đến năm 2024, diện tích đạt 85,7 nghìn ha (tăng 4,8%) [6].

3.2. Cơ cấu các giống mít

Theo Cục Trồng trọt (2024) [7], tại các tỉnh phía Bắc gồm: Thái Bình, Nam Định, Điện Biên... có các giống mít phổ biến như: Mít Dai vàng, mít Thái siêu sớm (TL1), mít Ruột đỏ (ID1); bên cạnh đó còn có các giống bản địa như: Mít thường, mít Tố nữ [8].

Hiện nay, tại vùng sản xuất cây mít có 6

giống đang được trồng phổ biến gồm: Mít dai, giống mít dai, mít mật được trồng phổ biến ở các mít mật, mít Tố nữ (*Artocarpus integer* (Thunb.) tỉnh phía Bắc, các giống mít Thái siêu sớm, mít Merr.), mít Thái siêu sớm (mít Thái Changai), ruột đỏ, mít Malaysia được trồng chủ yếu ở các mít ruột đỏ (ID1) và mít Malaysia. Trong đó, tỉnh phía Nam [9] (Bảng 1).

Bảng 1. Cơ cấu giống, hình thức thâm canh và thời gian thu hoạch mít ở Việt Nam (năm 2023 - 2024)

TT	Giống	Kiểu thâm canh	Thời gian thu hoạch	Địa phương trồng
I	<i>Nhóm giống địa phương</i>			
1	Mít dai	Xen canh (vườn tạp)	Tháng 5 - 7	7 vùng sinh thái
2	Mít mật	Xen canh (vườn tạp)	Tháng 5 - 7	Các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nam Định, Quảng Ninh, Sơn La, Hà Tĩnh, Nghệ An, Phú Yên, Khánh Hòa
3	Mít Tố nữ (<i>Artocarpus integer</i> (Thunb.) Merr.)	Xen canh (vườn tạp)	Quanh năm	Các tỉnh: Lâm Đồng, Bến Tre, Đắk Lắk
II	<i>Nhóm giống nhập nội</i>			
1	Mít Thái siêu sớm (mít Thái Changai)	Xen canh/chuyên canh	Quanh năm	7 vùng sinh thái
2	Mít ruột đỏ (ID1)	Xen canh/chuyên canh	Quanh năm	Các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bình Phước, Bình Dương, Bến Tre, Vĩnh Long
3	Mít Malaysia	Xen canh/chuyên canh	Quanh năm	7 vùng sinh thái

Nguồn: Phiếu điều tra thu thập thông tin thu hoạch từ tháng 5 - 7 hàng năm.

Mít trồng ở các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long cho thu hoạch quanh năm. Trong khi đó, ở các tỉnh thuộc vùng trung du miền núi phía Bắc và vùng Bắc Trung bộ chỉ cho

3.3. Thành phần các loài sâu, nhện và bệnh hại trên cây mít

3.3.1. Thành phần các loài sâu hại, nhện hại trên mít

Bảng 2. Thành phần loài sâu và nhện hại trên cây mít tại Việt Nam (năm 2023 - 2024)

TT	Tên thường gọi	Tên khoa học	Họ	Mức độ gây hại	Bộ phận hại
I. Bộ cánh cứng – Coleoptera					
1	Sâu đục thân	<i>Xylotrechus</i> sp.	Cerambycidae	++	Thân, cành
2	Câu cấu xanh	<i>Hypomeces</i> sp.	Curculionidae	+	Cành
3	Bọ đa 2 chấm	<i>Lepidiota</i> sp.	Scarabaeidae	+	Thân, cành
4	Bọ cánh cam	<i>Anomala</i> sp.	Scarabaeidae	++	Lá
II. Bộ cánh vảy – Lepidoptera					
5	Sâu đục quả	<i>Glyphodes</i> sp.	Crambidae	++++	Quả, cuống quả
6	Sâu tiện vỏ	<i>Arbela</i> sp.	Cossidae	+	Thân, cành
7	Sâu ăn lá	<i>Diaphania</i> sp.	Crambidae	++	Búp lá, lá
III. Bộ cánh đều - Homoptera					

8	Rệp sáp giả cam	<i>Planococcus citri</i> Risso	Pseudococcidae	+++	Lá, cành, quả
9	Rệp sáp vảy	<i>Ceroplastes</i> sp.	Coccidae	++	Lá, cành, quả
10	Rệp sáp giả đuôi dài	<i>Pseudococcus</i> sp.	Pseudococcidae	++	Lá, hoa, quả
11	Rệp muội	<i>Toxoptera</i> sp.	Aphididae	+++	Búp lá, quả non
12	Ve sầu bột	<i>Cosmoscarta</i> sp.	Cercopidae	+	Lá, thân
IV. Bộ cánh nửa – Hemiptera					
13	Bọ xít muỗi xanh	<i>Helopeltis theivora</i> Waterhouse	Miridae	+	Lá
V. Bộ hai cánh - Diptera					
14	Ruồi đục quả	<i>Bactrocera dorsalis</i> (Hendel)	Tephritidae	++++	Quả
VII. Bộ nhện nhỏ - Acari					
15	Nhện đỏ	<i>Tetranychus</i> sp.	Tetranychidae	+	Lá

Ghi chú: +: Rất ít phổ biến <10%; ++: Ít phổ biến 10 - 30%; +++: Phổ biến 30 - 50%; ++++: Rất phổ biến >50%.

Hiện nay, thành phần sâu hại trên mít tại Việt Nam chưa được nghiên cứu nhiều, so sánh với các kết quả điều tra sâu hại trên cây trồng năm 1977 - 1978 của Viện Bảo vệ thực vật (1999) [3], đã bổ sung được các loài mới như: Sâu đục quả (*Glyphodes* sp.), bọ xít muỗi xanh (*Helopeltis theivora* Waterhouse).

Nghiên cứu của Mai Đức Chung và cs (2022) [10] ghi nhận được 8 loài sâu hại, trong đó các sâu hại chính ảnh hưởng đến vườn trồng như: Sâu đục trái (tỷ lệ 67,6%), sâu đục cành (tỷ lệ 41,9%), ruồi đục trái (tỷ lệ 33,8%), ruồi vàng (tỷ lệ 25,7%).

Trong tổng số 15 loài sâu hại và nhện hại đã thu thập được, loài sâu đục quả (*Glyphodes* sp.) và ruồi đục quả (*Bactrocera dorsalis*) được ghi nhận là những loại gây hại thường xuyên nhất trên cây mít tại hầu hết các vùng sinh thái ở Việt Nam (mức độ phổ biến > 50%). Ngoài ra, loài rệp sáp giả cam (*P. citri*) và rệp muội (*Toxoptera* sp.) cũng là những loài được ghi nhận phổ biến (mức độ phổ biến từ 30 - 50%). Các loài sâu gây

hại trên nhiều bộ phận của cây mít như: Thân, cành, lá, cuống quả và quả.

3.3.2. Thành phần loại bệnh hại trên cây mít

Theo Mai Đức Chung và cs (2022) [10], có 3 loại bệnh hại chính trên cây mít gồm: Thối nhũn trái mít, xơ đen và nứt thân xì mủ.

Kết quả điều tra thành phần bệnh hại trên cây mít và mức độ phổ biến của chúng năm 2023 - 2024 tại các vùng sinh thái khác nhau (vùng trung du miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng, duyên hải Bắc Trung bộ, duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu Long) cho thấy, 10 bệnh hại mít đã được ghi nhận, trong đó thối gốc xì mủ, thán thư và đen xơ là 3 loại bệnh phổ biến trên cây mít, đặc biệt là bệnh đen xơ mít thường phổ biến vào mùa mưa, làm cho quả mít bị méo mó, giảm chất lượng và độ ngọt của quả, gây thiệt hại nặng nề về năng suất và chất lượng. Thành phần bệnh hại mít được thể hiện tại bảng 3.

Bảng 3. Thành phần và mức độ bệnh hại cây mít ở Việt Nam (năm 2023 - 2024)

TT	Tên thường gọi	Tên khoa học	Bộ phận bị hại	Mức độ phổ biến
1	Thối quả non	<i>Rhizopus</i> sp.	Quả non	+++
		<i>Choanephora</i> sp.		++

2	Thối đen quả	<i>Lasiodiplodia theobromae</i> Griffon & Maubl.	Quả	++++
3	Đen xơ mít	<i>Pantoea stewartii</i>	Quả	+++
4	Thối thân xì mủ	<i>Phytophthora palmivora</i> (Butler)	Thân, cành	+++
5	Lốm thân, khô cành	<i>Rugonectria</i> sp.	Thân, cành	+++
6	Bệnh thán thư	<i>Colletotrichum</i> sp.	Lá	+
7	Bệnh nấm hồng	<i>Corticium</i> sp.	Thân, cành	+
8	Vàng lá thối rễ	<i>Phytophthora</i> sp. <i>Fusarium</i> sp. <i>Meloidogyne</i> sp.	Rễ	+++
9	Bệnh muội đen	<i>Capnodium</i> sp.	Quả, lá	++
10	Bệnh thối quả	<i>Dickeya fangzhongdai</i> Tian	Quả	+

Ghi chú: +: Rất ít phổ biến <10%; ++: Ít phổ biến 10 - 30%; +++: Phổ biến 30 - 50%; ++++: Rất phổ biến > 50%.

Bệnh hại quan trọng: Từ các dữ liệu về độ bất gặp trong số các đợt điều tra, giai đoạn gây hại, mức độ bất gặp trong mỗi đợt điều tra đã cho phép nhận định, bệnh chính hại cây mít cần quan tâm đó là bệnh thối đen quả mít, bệnh thối thân xì mủ, bệnh đen xơ mít và bệnh lốm thân khô cành.

- Phân bố và xuất hiện: Bệnh thối đen quả

mít do nấm *L. theobromae* ghi nhận gây hại các giai đoạn phát triển quả, nặng nhất là giai đoạn quả gần thu hoạch và hại trên các giống mít đang trồng phổ biến tại vùng điều tra. Bệnh đen xơ mít gây hại phổ biến và nguy hiểm trên giống mít Thái.

3.4. Trục trạng sản xuất trên cây mít

3.4.1. Phương thức và khoảng cách trồng

Bảng 4. Phương thức và khoảng cách trồng mít hiện nay

TT	Vùng sinh thái nông nghiệp	Phương thức trồng (%)		Khoảng cách (m)
		Xen canh	Chuyên canh (thuần)	
1	Trung du miền núi phía Bắc	94,8	5,2	Không cố định
2	Đồng bằng sông Hồng	99,6	0,4	Không cố định
3	Duyên hải Bắc Trung bộ	93,4	6,6	Tự do hoặc 3 × 4; 4 × 5; 5 × 5
4	Duyên hải Nam Trung bộ	89,9	10,1	3 × 4; 4 × 5; 5 × 5
5	Tây Nguyên	75,6	24,4	3 × 4; 4 × 5; 5 × 5; 7 × 7
6	Đông Nam bộ	82,4	17,6	5 × 5; 6 × 6; 6 × 7; 7 × 7
7	Đồng bằng sông Cửu Long	70,4	29,6	5 × 5; 6 × 6; 6 × 7; 7 × 7

Theo Vũ Công Hậu (2007) [8], khi ít đất, trồng quanh nhà một số ít cây, thì khoảng cách cây có thể dưới 7 m, nhưng khi trồng nhiều thì khoảng cách cây phải 7 m với mật độ khoảng 200 cây/ha hoặc ít hơn. Hiện nay, theo khảo sát, đa số người dân trồng với mật độ thấp hơn so với quy trình hướng dẫn. Tại tỉnh Đắk Nông [10], một trong những cách phổ biến để trồng mít Thái là ở mật độ 5 × 6 m hoặc 6 × 7 m, tức là cách nhau 5 - 6 mét trong hàng và 6 - 7 mét giữa

các hàng. Điều này cho phép cây có không gian để phát triển và phát triển quả một cách tốt nhất.

Kết quả điều tra cho thấy, cây mít đa phần được trồng xen trong các vườn cây với tỷ lệ 70,4 - 99,6%, tỷ lệ trồng chuyên canh (thuần) cao nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long, chiếm tỷ lệ 29,6% hộ. Khoảng cách trồng phổ biến đối với vườn trồng thuần là 3 × 4 m; 5 × 6 m; 6 × 6 m vườn trồng xen được trồng tự do hoặc với khoảng cách 6 × 7 m; 7 × 7 m ở các tỉnh điều tra

nhưng với tỷ lệ thấp (Bảng 4).

3.4.2. Tình hình sử dụng phân bón

Tại tỉnh Đắk Nông, để đảm bảo cho cây mít phát triển tốt [10], với đất xấu, cần bón lót từ 25 - 35 kg phân chuồng hoai mục, 300 - 500 g lân và 1 kg vôi bột. Đối với đất tốt, chỉ cần bón lót từ 20 -

25 kg phân chuồng hoai mục, 200 - 300 g lân và 0,5 kg vôi bột. Đối với cây trên 7 năm tuổi, cần bón phân NPK với lượng 6 kg/cây và bón 2 lần/năm [11]. Hiện nay, việc sử dụng phân bón của người dân đối với cây mít vẫn được đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật.

Bảng 5. Lượng phân bón cho cây mít hiện nay

Giống	Lượng bón (kg/cây)				
	Phân chuồng	Đạm	Lân	Kali	Khác
Mít dai	12,5 ± 2,1	0,3 ± 0,1	1,5 ± 0,4	0,2 ± 0,1	-
Mít Thái	15 ± 4,4	0,2 ± 0,1	01 ± 0,1	0,2 ± 0,1	-
Trung bình	13,75 ± 3,25	0,25 ± 0,1	1,25 ± 0,25	0,2 ± 0,1	

Kết quả điều tra cho thấy, hầu hết các vườn mít được trồng theo lối quảng canh, không đầu tư chăm sóc phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

Các vườn có đầu tư thâm canh bón phân chuồng với lượng trung bình 13,75 kg/cây, đạm 0,25 kg/cây, lân 1,25 kg/cây và kali 0,2 kg/cây.

Bảng 6. Thời gian bón phân cho cây mít hiện nay

Giống	Thời gian bón (tháng)					Vôi bột (tháng)	Phương pháp bón
	Phân chuồng	Đạm	Lân	Kali	Khác		
Mít dai	6 - 8	6 - 9	6 - 9	6 - 9	-	5 - 6	- Phân chuồng: Đào rãnh quanh tán
Mít Thái	6 - 7	6 - 10	6 - 10	6 - 10	-	5 - 6	- Phân vô cơ: Rải quanh tán

Phân chuồng thường được các hộ nông dân bón lót vào giai đoạn trồng mới, khi cây đã cho thu hoạch sẽ bón sau khi thu hoạch vụ chính xong. Đối với phân vô cơ, bón 2 - 3 lần trong

năm, từ tháng 6 - 10 hàng năm, vôi bột cũng được người dân bón vào đầu mùa mưa.

3.4.3. Tình hình sử dụng nước tưới

Bảng 7. Chế độ tưới nước cho cây mít hiện nay tại Tây Nguyên

Nguồn nước tưới	Tưới nước		Số lần tưới (lần)	Lượng nước tưới (lít/cây)
	Có tưới (%)	Không tưới (%)		
Giếng khoan, sông	20,3	79,7	1 - 3	100 - 300
Giếng khoan	16,6	83,4	1 - 3	100 - 300

Các hộ trồng mít tại tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, sông và hồ để tưới cho cây mít. Tuy nhiên, chỉ có 16,6 - 20,3% số hộ có tưới cho cây mít và lần tưới chỉ từ 1 - 3 lần vào mùa khô và thời kỳ kiến thiết cơ bản vì đa số các hộ trồng mít là xen canh và trồng theo hàng rào nên người dân không chú trọng việc tưới, lượng nước tưới từ 100 - 300 lít/cây.

3.4.4. Thực trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên cây mít

Tại tỉnh Hậu Giang [10], các hộ dân thường sử dụng một số loại thuốc với các hoạt chất chủ yếu như: Abamectin, emamectin benzoate, imidacloprid, fipronil, cypermethrin. Trong đó, một số thuốc chứa các hoạt chất fipronil, cypermethrin đã bị cấm sử dụng trên cây ăn quả. Đối với các loại bệnh hại, người dân sử dụng một số hoạt chất như: Propineb, metalaxyl, mancozeb, fosetyl-aluminium để phòng trừ các loài nấm và vi khuẩn gây bệnh trên cây mít.

Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật được coi là

một trong những biện pháp chính để khống chế các loài sinh vật gây hại của người dân trồng mít hiện nay. Kết quả điều tra cho thấy, hầu hết người dân đều sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, đặc biệt là thuốc hóa học để phòng trừ các loài sinh vật gây hại trên vườn mít. Kết quả về số lượng hoạt chất và thuốc bảo vệ thực vật được trình bày ở bảng 8.

Bảng 8. Số lượng hoạt chất và thuốc bảo vệ thực vật thương phẩm để phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trên mít năm 2023

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Đối tượng phòng trừ
1	Reasgant 3.6 EC	Abamectin	Sâu ăn lá, sâu đục thân, rệp sáp, sâu đục quả...
2	Virtako 40 WG	20% chlorantraniliprole + 20% thiamethoxam	Sâu ăn lá, sâu đục thân, rệp sáp, sâu đục quả
3	Movento 150 OD	Spirotetramat 150 g/L	Sâu ăn lá, rệp sáp
4	Actimax 50 WG	Emamectin benzoat 50 g/kg	Sâu ăn lá, sâu đục thân, rệp sáp, sâu đục quả...
5	Dipel 6.4 WG	<i>Bacillus thuringiensis</i>	Sâu đục quả, sâu ăn lá
6	Aliette 80 WP	Fosetyl - aluminium 95%	Bệnh xì mủ, thối quả
7	Ridomil Gold 68 WG	Mancozeb 64% (640 g/kg) + Metalaxyl - M 4% (40 g/kg)	Bệnh xì mủ, thán thư
8	Acrobat MZ	Dimethomorph 9% (90 g/kg) + mancozeb 60% (600 g/kg)	Bệnh xì mủ, thán thư

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

Trong sản xuất mít, người nông dân đã sử dụng 8 hoạt chất và 8 loại thương phẩm khác nhau trên đồng ruộng. Nhóm thuốc trừ chuột và ốc chưa thấy người nông dân sử dụng ở các vùng nghiên cứu. Tất cả 8 loại thuốc trong quá trình thu thập thông tin đều nằm ngoài danh mục

Trong danh mục các loại thuốc được phép sử dụng trên cây mít được Bộ Nông nghiệp và

PTNT ban hành năm 2023 [12] cho thấy, hiện nay chỉ có 01 loại thuốc được phép sử dụng trên cây mít. Chính vì vậy, người dân thường sử dụng thuốc trên các loại cây trồng có các loài sâu, bệnh hại tương tự như trên cây mít như: Cây ăn quả có múi, xoài và một số loại cây ăn quả khác...

3.5. Những khó khăn trong sản xuất

Bảng 9. Một số khó khăn chính trong sản xuất mít năm 2023

TT	Chỉ tiêu theo dõi	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng mức quan trọng
1	Sâu, bệnh hại nhiều	76,93	1
2	Giá bán không ổn định	68,16	2
3	Giá vật tư nông nghiệp tăng cao (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...)	54,63	3
4	Thiếu kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh	36,48	4
5	Chưa có thuốc đặc trị sâu, bệnh hại	22,39	5
6	Không gặp khó khăn gì	10,35	6

Nguồn: Phiếu điều tra thu thập thông tin

Bên cạnh những thuận lợi, việc sản xuất và tiêu thụ mít vẫn gặp phải một khó khăn nhất định như: Cây mít rất nhạy cảm với những biến đổi thời tiết như hạn hán và xâm nhập mặn; diễn biến giá cả trên các thị trường truyền thống của cây ăn trái tại Việt Nam nhất là mít thường xuyên biến

động bất thường làm cho một số thời điểm giá bị rớt mạnh chỉ còn 5.000 đồng/kg, thị trường nội địa cũng chỉ tiêu thụ được một phần nhỏ.

Các yếu tố gây khó khăn nhất trong sản xuất mít hiện nay là tình hình sâu, bệnh hại và giá thành không ổn định (chiếm 76,93% và

68,16% trong những người được phỏng vấn). Những yếu tố này ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề canh tác và phát triển ổn định lâu dài cho cây mít. Chính vì vậy, hiện nay tại rất nhiều địa phương, người dân đã dần chuyển đổi cây trồng từ mít sang những cây trồng khác có giá trị cao hơn, đặc biệt là cây sầu riêng.

3.6. Hiện trạng và giải pháp phát triển cây mít tại Việt Nam

3.6.1. Hiện trạng sản xuất mít hiện nay

Hầu hết diện tích trồng mít được xen canh với các loại cây trồng khác (70,4 - 99,6%), làm tăng nguy cơ lây nhiễm sâu, bệnh giữa các cây trồng khác nhau. Điều này cũng dẫn đến cạnh tranh dinh dưỡng và ảnh hưởng đến năng suất mít.

Quản lý sâu, bệnh chưa hiệu quả. Mặc dù người dân đã sử dụng 8 loại thuốc bảo vệ thực vật, tần suất xử lý còn thấp, dẫn đến hiệu quả kiểm soát không cao. Thiếu kiến thức hoặc kinh nghiệm trong việc nhận biết và xử lý kịp thời các loại sâu, bệnh.

Về giá trị kinh tế, mít có giá bán thấp hơn so với các loại cây ăn quả khác như: Sầu riêng, măng cụt, xoài trong vài năm trở lại đây. Điều này khiến người dân chưa thực sự chú trọng đầu tư vào sản xuất mít một cách bài bản. Nông dân chủ yếu phụ thuộc vào thị trường tự do và thương lái, dẫn đến giá cả bấp bênh và khó mở rộng quy mô sản xuất.

3.6.2. Giải pháp về chính sách

Nhà nước cần có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu chọn lọc. Theo đề án phát triển của Bộ Nông nghiệp và PTNT [2], đẩy mạnh bình tuyển, phục tráng các giống mít đặc sản địa phương, chọn tạo, nhập nội, mở rộng các giống mới chất lượng, thuận lợi cho tiêu thụ và chế biến. Xây dựng hệ thống vườn đầu dòng, đảm bảo cung cấp giống có chất lượng phục vụ sản xuất. Rải vụ thu hoạch mít theo tỷ lệ diện tích chính vụ 60%, rải vụ 40%.

Đối với các cơ quan, ban ngành: Cần tạo điều kiện thuận lợi cho các chương trình, dự án, doanh nghiệp đầu tư vào ngành hàng mít, ủng hộ công tác chọn và lai tạo giống, nhằm tạo ra những loại giống mít cho năng suất, chất lượng

cao, chống chịu sâu, bệnh hại, cũng như phù hợp với sự biến đổi của thời tiết, khí hậu phức tạp. Nghiên cứu và quy hoạch những vùng trồng mít phát triển tốt để tập trung phát triển những vùng chuyên canh mít có chất lượng tốt. Tổ chức tốt liên kết đầu tư vùng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm mít giữa doanh nghiệp và nông dân thông qua liên kết ngang và dọc.

Xây dựng kênh tiêu thụ sản phẩm mít: “Nông hộ trồng mít → doanh nghiệp, công ty xuất khẩu mít → bán lẻ, xuất khẩu. Từ các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất mít sau đó cung cấp mít tươi cho các công ty xuất khẩu, một phần mít xuất khẩu trực tiếp cho thị trường nước ngoài, phần còn lại cung cấp cho các siêu thị, nhà bán lẻ.

Đối với tác nhân trong chuỗi giá trị mít: Cùng nhau hỗ trợ, hợp tác, tạo mối quan hệ với các cá nhân, các tác nhân chuỗi mít để liên kết thị trường tiêu thụ ổn định hơn [13].

Các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu dựa vào hướng dẫn của Chính phủ để có các định hướng và giải pháp phát triển từng thị trường cụ thể theo hướng gắn hoạt động phát triển thị trường với sản xuất, chế biến, quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu; xây dựng hệ thống thông tin thị trường, ứng phó hiệu quả với biến động của thị trường.

Cần quy hoạch vùng trồng tại địa phương, vùng sinh thái tránh phát triển nóng, tự phát dẫn đến mất cân bằng khả năng cung và cầu trên thị trường.

3.6.3. Giải pháp về kỹ thuật

Cần bảo tồn các giống mít địa phương có phẩm chất tốt, tạo thương hiệu riêng cho mỗi vùng và của riêng Việt Nam, loại bỏ việc canh tác các giống kém chất lượng, không hiệu quả. Các giống mít địa phương đã được công nhận như: Mít nghệ cao sản, mít Tố nữ, mít Ba Trại, mít Cổ Loa [14]... cần được bảo tồn, giúp duy trì đa dạng sinh học và tránh nguy cơ mất mát nguồn gen do sự xâm lấn của các giống ngoại lai hoặc hiện đại. Giải pháp bình tuyển và phục tráng giống mít địa phương không chỉ là cách bảo vệ tài sản di sản nông nghiệp mà còn giúp phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu thị trường

và mang lại lợi ích kinh tế lâu dài.

Sản xuất theo quy hoạch của địa phương, thực hiện tốt quy trình kỹ thuật trong sản xuất, chọn giống tốt, sạch bệnh, đảm bảo thu hoạch đạt năng suất, chất lượng, an toàn và hiệu quả; cần sản xuất theo tiêu chuẩn nông sản sạch (VietGAP, GlobalGAO), liên kết giữa người trồng với nhau.

Ưu tiên quản lý dịch hại bằng các biện pháp như: Sử dụng thiên địch, các loại chế phẩm sinh học và các loại thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng trên cây mít. Nghiên cứu, bổ sung bộ thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng trên cây mít có hiệu quả cao và an toàn.

Tăng cường đào tạo và tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật tại địa phương, nhân rộng các mô hình, cá nhân sản xuất giỏi.

4. KẾT LUẬN

Diện tích trồng và sản lượng mít ở Việt Nam có xu hướng tăng trong giai đoạn 5 năm (từ năm 2017 - 2021) sau đó giảm dần, đến năm 2023 diện tích trồng mít đạt 80.578 ha, sản lượng 907.078 tấn/năm.

Đã thu thập và xác định được 15 loài sâu hại và 10 loại bệnh hại trên cây mít, trong đó có sâu đục quả, rệp sáp giả, sâu đục thân, bệnh thối đen quả, bệnh đen xơ, thối thân xì mủ và vàng lá thối rễ là những loài sâu, bệnh hại thường xuyên xuất hiện trên vườn. Để quản lý tốt các đối tượng gây hại trên vườn mít, người dân sử dụng chủ yếu 8 loại thuốc và hoạt chất trên các loại sâu đục quả, rệp sáp, bệnh xì mủ.

Đối với các phương thức sản xuất khoảng cách trồng, dao động từ 3 - 7 m và có thể được trồng xen canh với một số loại cây trồng khác. Việc sử dụng phân bón và nước tưới của người dân vẫn đảm bảo được quy trình kỹ thuật, với lượng phân bón từ 6 kg/gốc và bón 2 - 3 lần/năm.

Những khó khăn về quản lý sâu, bệnh hại và giá thành không ổn định đã tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất trên cây mít. Việc đưa ra những giải pháp về chính sách, kỹ thuật góp phần ổn định thị trường mít tại Việt Nam, giúp nâng cao giá trị cây mít, tăng thu nhập cho nông dân và phát triển ngành nông sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Trồng trọt (2021). *Báo cáo kết quả sản xuất trồng trọt năm 2021 và kế hoạch trọng tâm năm 2022*.
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2022). *Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 phê duyệt đề án phát triển phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030*.
3. Viện Bảo vệ thực vật (1999). *Kết quả điều tra côn trùng và bệnh cây ở các tỉnh miền Nam 1977 - 1978*. Nxb Nông nghiệp. 358 trang.
4. Viện Bảo vệ thực vật (1997). *Phương pháp nghiên cứu bảo vệ thực vật. Tập 1: Phương pháp điều tra cơ bản dịch hại nông nghiệp và thiên địch của chúng*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. 99 trang.
5. Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13268-4:2021. Bảo vệ thực vật - Phương pháp điều tra sinh vật gây hại - Phần 4: Nhóm cây ăn quả.
6. Tổng cục Thống kê (2024). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2024*.
7. Cục Trồng trọt (2024). *Báo cáo kết quả sản xuất năm 2024 và kế hoạch triển khai sản xuất năm 2025 các tỉnh phía Bắc*.
8. Vũ Công Hậu (2007). *Trồng mít (Artocarpus heterophyllus Lam.)*. Nxb Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. 45 trang.
9. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2024). Cơ sở dữ liệu ngành trồng trọt, <https://csdltrongtrot.mard.gov.vn/#/pages/circulating-breed>. Truy cập ngày 20/8/2024.
10. Mai Đức Chung, Trần Hồng Đức, Nguyễn Thị Kiều, Nguyễn Duy Phương, Nguyễn Thanh Hà, Nguyễn Xuân Cảnh, Nguyễn Văn Giang, Phạm Hồng Hiến, Nguyễn Hải Yến, Nguyễn Thành Đức (2022). Khảo sát bước đầu về tình hình sâu, bệnh hại trên cây mít tại tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, 06(139), 79 - 86.
11. Kiên Trung (2023). Quy trình, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây mít Thái. https://baodaknong.vn/quy-trinh-ky-thuat-trong-va-cham-soc-cay-mit-thai-166264.html#google_vignette. Truy cập ngày 20/12/2024.
12. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2023). *Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được*

phép sử dụng tại Việt Nam và danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

13. Khổng Tiến Dũng (2022). Nghiên cứu giải pháp phát triển chuỗi giá trị mít tại tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Kinh tế và Phát triển, Đại học Huế*, 5C(131), 83 - 101.

14. Phạm Hùng Cường, Đới Hồng Hạnh, Phạm Tiến Toàn (2019). Đánh giá đặc điểm nông sinh học và chất lượng mít Cổ Loa phục vụ khai thác phát triển nguồn gen mít đặc sản. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, 2(99), 37 - 43.

CULTIVATION, PEST MANAGEMENT AND SOLUTIONS OF JACKFRUIT PRODUCTION IN AGRICULTURAL ECOSYSTEMS IN VIETNAM

Do Minh Duc¹, Do Xuan Dat¹, Lai Tien Dung¹,
Khuc Duy Ha¹, Dang Thanh Thuy¹, Pham Thi Thu Trang¹, Pham Van Duyen¹
¹*Plant Protection Research Insititute (PPRI)*

Abstract

The jackfruit tree (*Artocarpus heterophyllus* Lam.) is a traditional fruit tree that has existed in Vietnam for a very long time. Currently, six varieties of jackfruit are recorded nationwide, including three imported varieties and three local ones. A total of 15 pest species and 10 disease types have been reported to affect these jackfruit varieties. Among them, the fruit borer (*Glyphodes* sp.) and the long-tailed mealybug (*Pseudococcus* sp.) are highly prevalent (++++). Regarding diseases, black rot (*Lasiodiplodia theobromae* Griffon & Maubl.), black core disease (*Pantoea stewartii*), stem rot and gummosis (*Phytophthora* sp.) and stem sunken dry branch disease (*Rugonectria* sp.) are also reported to cause significant harm, ranging from common to widespread. To manage pests and diseases, farmers use a variety of plant protection products (8 types). However, the number of treatments is not as effective as desired, with treatment frequencies ranging from 0 to 5 times per year. Pests and diseases continue to cause severe damage, impacting production. Most jackfruit planting areas are intercropped with other crops (accounting for 70.4 - 99.6%) across localities. Fertilizer use is generally in accordance with technical guidelines, with application concentrated during the rainy season, from May to October annually. The complex evolution of pests and diseases remains the biggest challenge for farmers. Additionally, the market price of jackfruit is lower than that of other high-value fruit crops like durian, mangosteen and mango, which also raises concerns among growers. Proposed solutions to enhance the value of jackfruit in Vietnam include: developing marketing channels, producing according to VietGAP and GlobalGAP standards, linking farmers into cooperatives and creating a stable consumption environment, thereby increasing the value of jackfruit, raising farmers' income and contributing to the development of Vietnam's agricultural industry in the context of international integration.

Keywords: *Jack fruit Artocarpus heterophyllus, jackfruit variety, current situation and solutions, agricultural ecosystems.*

Ngày nhận bài: 8/11/2024

Ngày chuyển phản biện: 15/11/2024

Ngày thông qua phản biện: 4/12/2024

Ngày duyệt đăng: 26/3/2025